SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH TUYÊN QUANG
ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026 – LẦN 2
MÔN THI: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên: …….. Số báo danh: …… **Mã đề 0901**

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Bắc Trung Bộ hiện nay có đặc điểm nào sau đây?
A. Dân cư tập trung đông ở đồng bằng.
B. Diện tích cà phê lớn nhất cả nước.
C. Tỉ lệ dân số thành thị rất cao.
D. Đứng đầu cả nước về diện tích lúa.

Câu 2. Vùng trồng cây ăn quả tập trung nhất ở nước ta hiện nay là
A. Trung du và miền núi phía Bắc.
B. Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long.
D. Bắc Trung Bộ.

Câu 3. Cho biểu đồ sau:

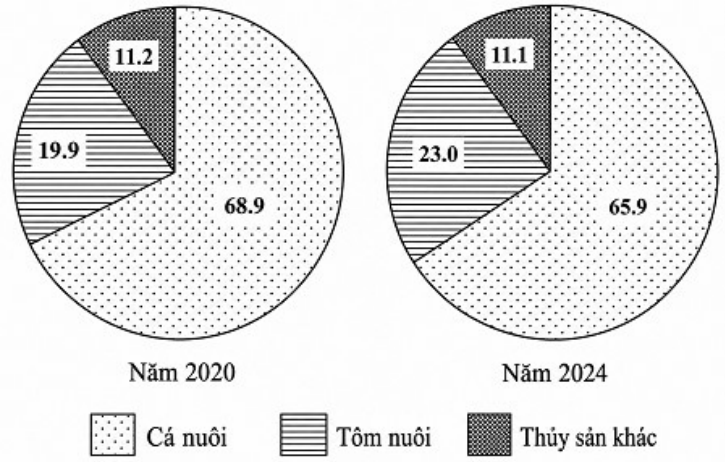

Cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2020 và năm 2024 *(Đơn vị: %)*
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2020, 2024; Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?
A. Năm 2024 so với năm 2020, tỉ trọng sản lượng cá nuôi tăng và tỉ trọng sản lượng tôm nuôi giảm.
B. Năm 2024 so với năm 2020, tỉ trọng sản lượng cá nuôi giảm 3,0%.
C. Tỉ trọng sản lượng tôm nuôi luôn cao hơn tỉ trọng cá nuôi.
D. Tỉ trọng sản lượng các loại thủy sản khác và tôm nuôi luôn cao nhất.

Câu 4. Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta là
A. tiếp nhận các nền văn hoá hiện đại.
B. mở cửa thu hút nguồn vốn đầu tư.
C. thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.
D. tài nguyên sinh vật rất phong phú.

Câu 5. Cảng biển lớn nhất trong nhóm cảng biển ở phía bắc của nước ta hiện nay là
A. Đà Nẵng. **B.** Hải Phòng. **C.** Vân Phong. **D.** Cam Ranh.

Câu 6. Biện pháp cải tạo đất ở đồng bằng nước ta là
A. làm ruộng bậc thang. **B.** bón phân hữu cơ. **C.** dùng thuốc diệt cỏ. **D.** trồng cây theo băng.

Câu 7. Thảm thực vật rừng của nước ta đa dạng về kiểu hệ sinh thái chủ yếu do
A. nhiều giống mới được lai tạo, đất có độ phì cao.
B. địa hình đa dạng, khí hậu phân hoá mùa sâu sắc.
C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá phức tạp.
D. đất feralit là chủ yếu, ảnh hưởng của gió mùa.

Câu 8. Khu vực nào sau đây của nước ta thường xảy ra lụt úng?
A. Sơn nguyên. **B.** Hải đảo. **C.** Núi cao. **D.** Đồng bằng.

Câu 9. Cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay có sự chuyển dịch theo hướng
A. giảm tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
B. tăng tỉ trọng các ngành sử dụng nhiều lao động.
C. chú trọng những ngành ứng dụng công nghệ cao.
D. tập trung tăng tỉ trọng khu vực kinh tế nhà nước.

Câu 10. Mục đích chủ yếu của việc ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mới ở Đồng bằng sông Hồng là

A. nâng cao vị thế của vùng, phát huy các thế mạnh tự nhiên, tạo ra nhiều việc làm.
B. thu hút nhiều đầu tư, liên kết sản xuất với các vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu.
C. chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, phát triển bền vững, nâng cao trình độ công nghệ.
D. sử dụng hợp lí tự nhiên, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, hiện đại hoá hạ tầng.

Câu 11. Dân số nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

A. Quy mô dân số ngày càng lớn, tỉ lệ gia tăng dân số giảm.
B. Tập trung chủ yếu ở thành thị, tỉ lệ giới tính khá cân bằng.
C. Phân bố dân cư tương đối đều, nhiều thành phần dân tộc.
D. Mật độ dân số thấp, tỉ lệ người già trong cơ cấu dân số lớn.

Câu 12. Tuổi thọ trung bình của dân số nước ta ngày càng tăng chủ yếu do

A. mức sống được nâng cao.
B. đầu tư phát triển giáo dục.
C. cơ sở hạ tầng cải thiện.
D. dân số vẫn tăng nhanh.

Câu 13. Hướng phát triển du lịch ở nước ta hiện nay là

A. mở rộng thị trường, tập trung sử dụng lao động trình độ cao.
B. phát triển nhiều loại hình du lịch, hạn chế du lịch đô thị.
C. bảo vệ tài nguyên, không phát triển du lịch sinh thái.
D. đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển du lịch thông minh.

Câu 14. Vị trí địa lí của Trung du và miền núi phía Bắc

A. tiếp giáp với vùng Đông Nam Bộ.
B. kề liền với vùng Nam Trung Bộ.
C. tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.
D. có đường biên giới với Trung Quốc.

Câu 15. Nội thương của Đông Nam Bộ phát triển mạnh chủ yếu do

A. nhu cầu xuất khẩu lớn, công nghiệp phát triển, chất lượng cuộc sống cao.
B. chính sách hội nhập, lao động trình độ cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh.
C. nhiều đô thị đông dân, đầu tư nước ngoài lớn, khoa học công nghệ phát triển.
D. dân số đông và mức sống cao, kinh tế phát triển, ứng dụng công nghệ cao.

Câu 16. Sản phẩm nào sau đây ở nước ta không thuộc ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm?

A. Sợi tự nhiên. **B.** Sữa tươi. **C.** Chè chế biến. **D.** Gạo xay xát.

Câu 17. Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay có thế mạnh để

A. trồng cây cận nhiệt. **B.** khai thác hải sản. **C.** khai thác than bùn. **D.** xây dựng hải cảng.

Câu 18. Thế mạnh để Đông Nam Bộ phát triển ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là

A. thu hút nhiều đầu tư nước ngoài.
B. hệ thống cảng biển phân bố rộng.
C. có nhiều dân tộc cùng sinh sống.
D. tài nguyên khoáng sản phong phú.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho biểu đồ sau:

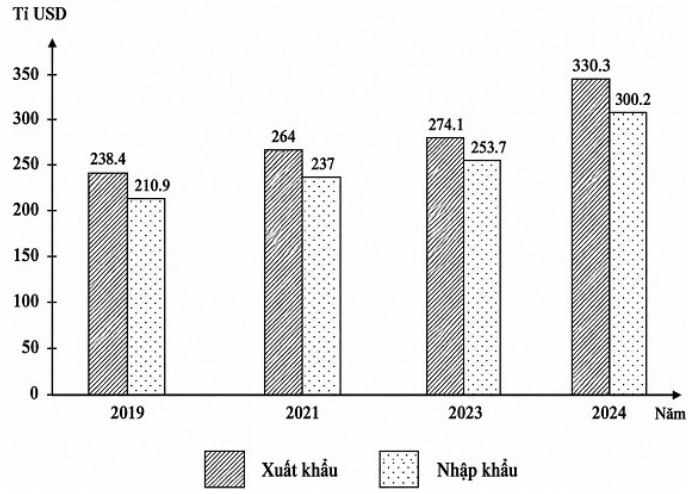

Trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Malaysia giai đoạn 2019–2024

(Nguồn: ASEAN Statistical Highlights 2025, https://www.aseanstats.org)

a) Năm 2024 so với năm 2019, trị giá xuất khẩu tăng nhanh hơn trị giá nhập khẩu.

b) Năm 2024 so với năm 2019, trị giá xuất khẩu của Malaysia tăng 89,3 tỉ USD.

c) Trị giá xuất khẩu của Malaysia luôn cao hơn trị giá nhập khẩu qua các năm.

d) Cán cân xuất nhập khẩu của Malaysia đạt giá trị dương liên tục qua các năm.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Nam Trung Bộ là sự hợp nhất chiến lược giữa Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, tạo nên một không gian phát triển thống nhất từ đại ngàn xuống biển khơi. Nam Trung Bộ bao gồm 6 tỉnh, thành phố với diện tích tự nhiên khoảng 99,1 nghìn km². Đây là vùng có điều kiện tự nhiên đa dạng. Khu vực duyên hải có bờ biển dài, nhiều vũng vịnh và bãi tắm đẹp,... Khu vực miền núi phía tây có các cao nguyên đất đỏ badan rộng lớn, khí hậu phân hóa theo độ cao, giàu tài nguyên cho phát triển công nghiệp,... Hai khu vực này có mối quan hệ chặt chẽ tác động qua lại với nhau tạo ra thế kinh tế liên hoàn "núi - cao nguyên - đồng bằng - biển" vững chắc.

a) Do vùng có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất cả nước nên các ngành công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp sản xuất nhiệt điện phát triển mạnh.

b) Mục đích chủ yếu của việc tăng cường liên kết kinh tế đông - tây ở Nam Trung Bộ là khai thác hiệu quả thế mạnh, tạo việc làm, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các khu vực.

c) Hiện nay, Nam Trung Bộ là vùng có quy mô diện tích và dân số lớn nhất nước ta.

d) Phát triển hạ tầng giao thông đông - tây, xây dựng chuỗi cung ứng cho các ngành sản xuất là giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường liên kết kinh tế giữa vùng núi và vùng biển của Nam Trung Bộ.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa rõ rệt từ bắc vào nam, từ đông sang tây và theo độ cao. Phần lãnh thổ phía Bắc có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với một mùa đông lạnh, cảnh quan tiêu biểu là đới rừng nhiệt đới gió mùa. Trong khi đó, phần lãnh thổ phía Nam mang đặc điểm của vùng khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt cao quanh năm và hai mùa mưa - khô rõ rệt. Sự phân hóa này không chỉ tác động đến hệ sinh thái mà còn ảnh hưởng tới quy hoạch, hướng chuyên môn hoá sản xuất nông nghiệp của từng khu vực.

a) Sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao đã tạo cơ sở để đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp và phát triển du lịch bền vững.

b) Từ biển vào đất liền thiên nhiên nước ta được phân hoá thành ba đai cao rõ rệt.

c) Các cây họ dầu, săng lẻ, tếch,... ở lãnh thổ phía Nam nước ta phát triển mạnh chủ yếu là do khí hậu cận xích đạo, lượng mưa lớn quanh năm.

d) Nguyên nhân chính dẫn đến sự khác biệt khí hậu giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam là do sự thay đổi của độ cao địa hình.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Các khu công nghệ cao tại nước ta là các khu kinh tế - kỹ thuật đa chức năng, tập trung nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao. Năm 2021, nước ta có các khu công nghệ cao đang hoạt động, bao gồm: Khu công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội), khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, khu công nghệ cao Đà Nẵng, khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai. Các khu công nghệ cao đóng vai trò then chốt trong việc thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) và phát triển công nghiệp công nghệ cao.

a) Định hướng phát triển của khu công nghệ cao là mở rộng sản xuất các ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, đặc biệt là đất hiếm.

b) Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai có chức năng nghiên cứu, ươm tạo và phát triển công nghệ sinh học.

c) Sự phát triển của khu công nghệ cao góp phần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghệ cao.

d) Các khu công nghệ cao tập trung chủ yếu vào hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu và cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 6.

Câu 1. Năm 2024, khối lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển thế giới là 12,7 tỉ tấn và khối lượng luân chuyển là 123 678 tỉ tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình của ngành vận tải đường biển thế giới năm 2024 là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Diện tích đất tự nhiên và tổng diện tích có rừng của Bắc Trung Bộ năm 2018 và năm 2024

(Đơn vị: nghìn ha)

Tiêu chí \ Năm	2018	2024
Diện tích đất tự nhiên	5 120,0	5 120,0
Tổng diện tích có rừng	3 103,7	3 169,3

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2018, 2024; Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết độ che phủ rừng của Bắc Trung Bộ năm 2024 so với năm 2018 tăng bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3. Năm 2024, sản lượng khoai lang của nước ta đạt 972,9 nghìn tấn, năng suất khoai lang bình quân đạt 12,0 tấn/ha. Hãy cho biết diện tích gieo trồng khoai lang của nước ta năm 2024 là bao nhiêu nghìn ha (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Năm 2024, dân số nước ta là 101 343,8 nghìn người, trong đó dân số nam là 50 576,8 nghìn người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2024 là bao nhiêu nam trên 100 nữ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Nam Trung Bộ năm 2024

(Đơn vị: nghìn tấn)

Vùng kinh tế	Thủy sản nuôi trồng	Tổng sản lượng
Đồng bằng sông Cửu Long	4 025,8	5 529,2
Nam Trung Bộ	165,9	1 415,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tổng sản lượng thủy sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn vùng Nam Trung Bộ bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Năm 2024, dân số thế giới đạt 8 083 triệu người và tổng diện tích đất liền là 149 triệu km². Hãy cho biết mật độ dân số của thế giới năm 2024 là bao nhiêu người/km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

—— HẾT ——

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần I.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	B	B	B	B	C	D	C	C
Câu	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**	**17**	**18**		
Đáp án	A	A	D	D	D	A	A	A		

Phần II.

Câu	a	b	c	d
Câu 1	S	S	Đ	Đ
Câu 2	S	Đ	S	Đ

Câu	a	b	c	d
Câu 3	Đ	S	S	S
Câu 4	S	Đ	Đ	S

Phần III.

Câu	Đáp án
Câu 1	9738 km
Câu 2	1,3%
Câu 3	81 nghìn ha
Câu 4	99,6 nam/100 nữ
Câu 5	61,1%
Câu 6	54 người/km²

LỜI GIẢI THAM KHẢO

Phần I.

Câu 1. Chọn A.
Bắc Trung Bộ có địa hình hẹp ngang, dân cư phân bố không đều, tập trung đông hơn ở dải đồng bằng ven biển và các đô thị.
B sai vì vùng có diện tích cà phê lớn nhất là Tây Nguyên. C sai vì Bắc Trung Bộ không có tỉ lệ dân thành thị rất cao. D sai vì vùng đứng đầu diện tích lúa là Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2. Chọn C.
Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trồng cây ăn quả tập trung lớn nhất nước ta, nổi bật với xoài, sầu riêng, chôm chôm, nhãn, cam, quýt, bưởi,... nhờ khí hậu nóng ẩm, sông ngòi dày đặc, đất phù sa và thị trường tiêu thụ thuận lợi.

Câu 3. Chọn B.
Từ biểu đồ:

Năm 2020, cá nuôi chiếm **68,9%**.
Năm 2024, cá nuôi chiếm **65,9%**.

Mức giảm là:
68,9 - 65,9 = 3,0%

Vì vậy, năm 2024 so với năm 2020, tỉ trọng sản lượng cá nuôi giảm 3,0%.
A sai vì cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng. C sai vì tôm nuôi không cao hơn cá nuôi. D sai vì cá nuôi luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.

Câu 4. Chọn B.
Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta là tạo điều kiện mở cửa, giao lưu kinh tế, thu hút vốn đầu tư, phát triển các ngành kinh tế biển, thương mại, du lịch, giao thông vận tải.
A là ý nghĩa văn hóa - xã hội. C và D nghiêng về ý nghĩa tự nhiên.

Câu 5. Chọn B.
Cảng biển lớn nhất trong nhóm cảng biển phía Bắc là **Hải Phòng**. Đây là cửa ngõ giao thương quan trọng của miền Bắc.
Đà Nẵng thuộc miền Trung, Vân Phong và Cam Ranh thuộc khu vực Nam Trung Bộ.

Câu 6. Chọn B.
Biện pháp cải tạo đất ở đồng bằng là **bón phân hữu cơ**, giúp tăng độ phì, cải thiện kết cấu đất và tăng khả năng giữ nước, giữ chất dinh dưỡng.
Làm ruộng bậc thang và trồng cây theo băng thường áp dụng ở miền núi, vùng dốc. Dùng thuốc diệt cỏ không phải biện pháp cải tạo đất.

Câu 7. Chọn C.
Thảm thực vật rừng nước ta đa dạng về kiểu hệ sinh thái chủ yếu do nước ta có khí hậu **nhiệt đới ẩm gió mùa** và có sự phân hóa phức tạp theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao.
Nhờ đó hình thành nhiều kiểu rừng: rừng nhiệt đới ẩm, rừng cận nhiệt, rừng ngập mặn, rừng tràm, rừng khộp,...

Câu 8. Chọn D.
Khu vực thường xảy ra lụt úng ở nước ta là **đồng bằng**, nhất là các vùng thấp, trũng, nơi có địa hình bằng phẳng, thoát nước chậm và chịu ảnh hưởng của mưa lớn, lũ sông.

Câu 9. Chọn C.
Cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng tỉ trọng các ngành có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, giảm dần các ngành khai thác tài nguyên, sử dụng nhiều lao động giản đơn.

Câu 10. Chọn C.
Đồng bằng sông Hồng ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mới như điện tử, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ,... nhằm **chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, phát triển bền vững và nâng cao trình độ công nghệ**.
Đây là vùng có nguồn lao động chất lượng cao, cơ sở hạ tầng tốt, khoa học - công nghệ phát triển nên phù hợp với các ngành công nghiệp mới.

Câu 11. Chọn A.
Dân số nước ta hiện nay có quy mô ngày càng lớn, nhưng tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm do thực hiện chính sách dân số, mức sống và nhận thức của người dân được nâng lên.
B sai vì dân cư nước ta vẫn còn tập trung nhiều ở nông thôn. C sai vì dân cư phân bố không đều. D sai vì mật độ dân số nước ta khá cao.

Câu 12. Chọn A.
Tuổi thọ trung bình của dân số nước ta ngày càng tăng chủ yếu do **mức sống được nâng cao**, điều kiện dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, y tế, vệ sinh môi trường được cải thiện.

Câu 13. Chọn D.
Hướng phát triển du lịch hiện nay của nước ta là đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển du lịch thông minh, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm du lịch và phát triển du lịch bền vững.
A sai vì du lịch không chỉ tập trung vào lao động trình độ cao. B sai vì không hạn chế du lịch đô thị. C sai vì du lịch sinh thái là hướng cần phát triển.

Câu 14. Chọn D.
Trung du và miền núi phía Bắc có vị trí địa lí đặc biệt quan trọng vì có đường biên giới với Trung Quốc và Lào, trong đó biên giới với Trung Quốc là đặc điểm nổi bật.
A và B sai vì vùng không giáp Đông Nam Bộ, không kề liền Nam Trung Bộ. C không phải đặc điểm tiêu biểu nhất trong các phương án.

Câu 15. Chọn D.
Nội thương của Đông Nam Bộ phát triển mạnh chủ yếu do vùng có dân số đông, mức sống cao, kinh tế phát triển năng động, hệ thống đô thị lớn và ứng dụng công nghệ cao trong thương mại, dịch vụ.
Đây là thị trường tiêu thụ lớn nhất, sôi động nhất cả nước.

Câu 16. Chọn A.
Sợi tự nhiên không thuộc ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm. Nó thuộc nhóm công nghiệp dệt, may hoặc chế biến nguyên liệu cho ngành dệt.
Sữa tươi, chè chế biến, gạo xay xát đều thuộc công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm.

Câu 17. Chọn A.
Trung du và miền núi phía Bắc có thế mạnh trồng cây cận nhiệt và ôn đới như chè, hồi, quế, cây ăn quả cận nhiệt, dược liệu,... do có địa hình cao, khí hậu phân hóa theo độ cao và có mùa đông lạnh.
B và D sai vì vùng không có thế mạnh khai thác hải sản, xây dựng hải cảng. C không phải thế mạnh tiêu biểu.

Câu 18. Chọn A.
Đông Nam Bộ phát triển mạnh ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính chủ yếu nhờ **thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài**, có lao động kỹ thuật, cơ sở hạ tầng hiện đại, thị trường rộng và khả năng liên kết sản xuất tốt.
Các ngành điện tử, máy vi tính thường gắn với các doanh nghiệp FDI và khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

Phần II.

Câu 1

Dựa vào biểu đồ:

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2019	238,4	210,9
2024	330,3	300,2

a) Sai.
Năm 2024 so với năm 2019:

$$330,3-238,4=91,9$$

Trị giá xuất khẩu tăng: tỉ USD.

$$300,2-210,9=89,3$$

Trị giá nhập khẩu tăng: tỉ USD.

Nếu xét **mức tăng tuyệt đối** thì xuất khẩu tăng nhiều hơn nhập khẩu. Tuy nhiên câu dùng cụm **"tăng nhanh hơn"**, thường xét theo **tốc độ tăng**.

$$330,3:238,4\times100\approx138,5\%$$

Tốc độ tăng xuất khẩu là: .

$$300,2:210,9\times100\approx142,3\%$$

Tốc độ tăng nhập khẩu là: .

Vì nhập khẩu có tốc độ tăng nhanh hơn xuất khẩu nên ý a) **sai**.

b) Sai.

$$330,3 - 238,4 = 91,9$$

Trị giá xuất khẩu của Malaysia tăng: tỉ USD, không phải 89,3 tỉ USD.
Số 89,3 tỉ USD là mức tăng của nhập khẩu.

c) Đúng.
Qua các năm trong biểu đồ:

Năm 2019: xuất khẩu 238,4 > nhập khẩu 210,9.
Năm 2021: xuất khẩu 264,0 > nhập khẩu 237,0.
Năm 2023: xuất khẩu 274,1 > nhập khẩu 253,7.
Năm 2024: xuất khẩu 330,3 > nhập khẩu 300,2.

Vì vậy, trị giá xuất khẩu của Malaysia luôn cao hơn trị giá nhập khẩu qua các năm.

d) Đúng.
Cán cân xuất nhập khẩu = xuất khẩu - nhập khẩu.

$$238,4 - 210,9 = 27,5$$

Năm 2019: tỉ USD.

$$264,0 - 237,0 = 27,0$$

Năm 2021: tỉ USD.

$$274,1 - 253,7 = 20,4$$

Năm 2023: tỉ USD.

$$330,3 - 300,2 = 30,1$$

Năm 2024: tỉ USD.

Các kết quả đều lớn hơn 0, nên cán cân xuất nhập khẩu của Malaysia đạt giá trị dương liên tục qua các năm.

Câu 2

a) Sai.
Nam Trung Bộ không phải là vùng có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất cả nước. Vì vậy không thể giải thích sự phát triển công nghiệp lọc hóa dầu, nhiệt điện của vùng bằng nguyên nhân "có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất cả nước".

b) Đúng.
Nam Trung Bộ có sự kết hợp giữa khu vực duyên hải và khu vực miền núi phía tây. Việc tăng cường liên kết kinh tế đông - tây giúp khai thác hiệu quả thế mạnh của từng khu vực, tạo việc làm, phát triển sản xuất và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa vùng núi với vùng biển.

c) Sai.
Thông tin cho biết Nam Trung Bộ có diện tích khoảng 99,1 nghìn km², nhưng không khẳng định đây là vùng có quy mô diện tích và dân số lớn nhất nước ta. Thực tế, nhận định "có quy mô diện tích và dân số lớn nhất nước ta" là không đúng.

d) Đúng.
Để tăng cường liên kết kinh tế giữa vùng núi và vùng biển, cần phát triển hạ tầng giao thông đông - tây, kết nối cao nguyên với duyên hải, đồng thời xây dựng chuỗi cung ứng cho các ngành sản xuất. Đây là giải pháp quan trọng để hình thành không gian kinh tế liên hoàn "núi - cao nguyên - đồng bằng - biển".

Câu 3

a) Đúng.
Sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao làm thay đổi khí hậu, đất, sinh vật theo từng đai cao. Nhờ đó, nước ta có thể đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp như cây nhiệt đới, cây cận nhiệt, cây ôn đới; đồng thời phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tham quan cảnh quan núi cao.

b) Sai.
Ba đai cao là biểu hiện của sự phân hóa thiên nhiên **theo độ cao**, không phải phân hóa **từ biển vào đất liền**. Từ biển vào đất liền là sự phân hóa theo hướng đông - tây, gồm vùng biển - thềm lục địa, đồng bằng ven biển và vùng đồi núi.

c) Sai.
Các cây họ dầu, săng lẻ, tếch,... phát triển ở phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do khí hậu cận xích đạo gió mùa, nền nhiệt cao quanh năm và có mùa mưa - mùa khô rõ rệt.
Ý c) sai ở chỗ nói "lượng mưa lớn quanh năm", vì phía Nam có sự phân mùa mưa - khô rõ rệt, không mưa lớn quanh năm.

d) Sai.
Sự khác biệt khí hậu giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam chủ yếu do vị trí theo vĩ độ và ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
Phía Bắc chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc nên có mùa đông lạnh, còn phía Nam nóng quanh năm. Không phải nguyên nhân chính là do sự thay đổi của độ cao địa hình.

Câu 4

a) Sai.
Khu công nghệ cao không có định hướng chính là mở rộng khai thác và chế biến khoáng sản. Chức năng chủ yếu của khu công nghệ cao là nghiên cứu, ứng dụng, ươm tạo, sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao.

b) Đúng.
Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai có chức năng nghiên cứu, ươm tạo, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Vì vậy nhận định này đúng.

c) Đúng.
Các khu công nghệ cao góp phần thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ cao, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, tăng hàm lượng khoa học - công nghệ trong sản xuất và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

d) Sai.
Nhận định "tập trung chủ yếu vào hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu và cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu" phù hợp hơn với **khu chế xuất**, không phải khu công nghệ cao. Khu công nghệ cao nhấn mạnh vào nghiên cứu, ứng dụng, ươm tạo và sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

Phần III.

Câu 1

Công thức: Cự li vận chuyển trung bình = khối lượng luân chuyển : khối lượng vận chuyển.

Ta có: khối lượng luân chuyển là 123 678 tỉ tấn.km, khối lượng vận chuyển là 12,7 tỉ tấn.

$$123678 : 12,7 = 9738,4$$

Tính: km.

Làm tròn đến hàng đơn vị: **9738 km**.

Đáp án: 9738 km.

Câu 2

Công thức: Độ che phủ rừng = tổng diện tích có rừng : diện tích đất tự nhiên × 100.

$$3103,7 : 5120,0 \times 100 = 60,6\%$$

Năm 2018: .

$$3169,3 : 5120,0 \times 100 = 61,9\%$$

Năm 2024: .

$$61,9 - 60,6 = 1,3\%$$

Mức tăng độ che phủ rừng là: .

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **1,3%**.

Đáp án: 1,3%.

Câu 3

Công thức: Diện tích gieo trồng = sản lượng : năng suất.

Sản lượng khoai lang là 972,9 nghìn tấn, năng suất là 12,0 tấn/ha.

$$972,9 : 12,0 = 81,075$$

Tính: nghìn ha.

Làm tròn đến hàng đơn vị: **81 nghìn ha**.

Đáp án: 81 nghìn ha.

Câu 4

Công thức: Tỉ số giới tính = dân số nam : dân số nữ × 100.

$$101343,8 - 50576,8 = 50767,0$$

Dân số nữ là: nghìn người.

$$50576,8 : 50767,0 \times 100 = 99,6$$

Tỉ số giới tính là: nam/100 nữ.

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **99,6 nam/100 nữ**.

Đáp án: 99,6 nam/100 nữ.

Câu 5

Công thức: Tỉ trọng thủy sản nuôi trồng = thủy sản nuôi trồng : tổng sản lượng thủy sản × 100.

$$4025,8 : 5529,2 \times 100 = 72,8\%$$

Ở Đồng bằng sông Cửu Long: .

$$165,9 : 1415,2 \times 100 = 11,7\%$$

Ở Nam Trung Bộ: .

$$72,8 - 11,7 = 61,1\%$$

Mức cao hơn là: .

Làm tròn đến một chữ số thập phân: **61,1%**.

Đáp án: 61,1%.

Câu 6

Công thức: Mật độ dân số = dân số : diện tích.

Dân số thế giới năm 2024 là 8083 triệu người, diện tích đất liền là 149 triệu km².

$$8083 : 149 = 54,2$$

Tính: người/km².

Làm tròn đến hàng đơn vị: **54 người/km²**.

Đáp án: 54 người/km².